

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng	:	CÔNG TY TNHH VIỆT MỸ NAM ĐỊNH		
Địa điểm quan trắc	:	Lô N5, đường D6 – khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định		
Loại mẫu	:	Nước thải	Số lượng mẫu:	01
Mã mẫu	:	NT.242208.33	Tên mẫu:	NT
Ngày quan trắc	:	22/08/2024	Ngày hoàn thành thử nghiệm:	05/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011 /BTNMT Cột B
				NT	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	30,4	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,90	5,5-9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2008	22	150
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10	100
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24	50
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	60	150
7	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	SMEWW 4500NH ₃ B&F:2017	4,56	10
8	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	21	40
9	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	3,28	6
10	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,7	2
11	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500S ² -B&D:2017	<0,03	0,5
12	Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	<0,004	0,5
13	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	10
14	SO ₄ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500SO ₄ ²⁻ -E:2012	45	-
15	Tổng CN-	mg/L	SMEWW 4500CN-C&E:2017	<0,002	0,1
16	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,22	5
17	Cr ⁶⁺	mg/L	TCVN 6658:2000	<0,005	0,1
18	Ag [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,008	-
19	As [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	0,1
20	Cd [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0007	0,1
21	Co [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,001	-
22	Cr tổng số [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,003	-
23	Cu [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	2
24	Hg [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0003	0,01
25	Ni [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0028	0,5
26	Pb [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	0,5
27	Sb [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0012	-
28	Zn [*]	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,013	3

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.

2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

3. Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TCED.

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011 /BTNMT Cột B
				NT	
29	AOX*	mg/L	TCVN 6943:2008	2,45	-
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,13	-
31	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B&G:2017	1.400	5.000

Ghi chú:

(*): Nhà thầu phụ: Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường (Vimcerts 079).

- Vị trí quan trắc:

+ **NT:** Nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý trước khi thải ra ngoài khu công nghiệp, (Tọa độ: X: 2259174/ Y: 0566468).

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, (**Cột B** - Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

NGƯỜI LẬP PHIẾU


Nguyễn Quang Huân

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hoàng